

PHỤ LỤC SỐ 01

BẢNG TIÊU CHÍ ĐÁNH GIÁ, CHẤM ĐIỂM LỰA CHỌN TỔ CHỨC ĐẤU GIÁ TÀI SẢN
(Kèm theo Thông báo số /TB-VNPT-THA-KTKH, ngày 05/4/2024 của VNPT Thanh Hóa)

TT	NỘI DUNG	ĐIỂM TỐI ĐA	Yêu cầu hồ sơ chứng minh đáp ứng nội dung lựa chọn
I	Cơ sở vật chất, trang thiết bị cần thiết bảo đảm cho việc đấu giá đối với loại tài sản đấu giá	23,0	
1	Cơ sở vật chất bảo đảm cho việc đấu giá	11,0	
1,1	<i>Có trụ sở ổn định, địa chỉ rõ ràng kèm theo thông tin liên hệ (số điện thoại, fax, địa chỉ thư điện tử...)</i>	6,0	Nêu cụ thể trong hồ sơ và có ảnh chụp
1,2	<i>Địa điểm bán, tiếp nhận hồ sơ tham gia đấu giá được bố trí ở vị trí công khai, thuận tiện</i>	5,0	Nêu cụ thể trong hồ sơ và có ảnh chụp
2	Trang thiết bị cần thiết bảo đảm cho việc đấu giá	8,0	
2,1	<i>Có máy in, máy vi tính, máy chiếu, thùng đựng phiếu trả giá bảo đảm an toàn, bảo mật và các phương tiện khác bảo đảm cho việc đấu giá</i>	4,0	Nêu cụ thể trong hồ sơ và có ảnh chụp
2,2	<i>Có hệ thống camera giám sát hoặc thiết bị ghi hình tại nơi bán, tiếp nhận hồ sơ tham gia đấu giá; nơi tổ chức cuộc đấu giá</i>	4,0	Nêu cụ thể trong hồ sơ và có ảnh chụp
3	Có trang thông tin điện tử đang hoạt động	2,0	Nêu cụ thể địa chỉ trang thông tin
4	Đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt đủ điều kiện thực hiện hình thức đấu giá trực tuyến	1,0	Hồ sơ chứng minh
5	Có nơi lưu trữ hồ sơ đấu giá	1,0	Nêu cụ thể trong hồ sơ và có ảnh chụp
II	Phương án đấu giá khả thi, hiệu quả (Thuyết minh đầy đủ các nội dung trong phương án)	22,0	
1	Phương án đấu giá đề xuất việc tổ chức đấu giá đúng quy định của pháp luật, bảo đảm tính công khai, minh bạch, khách quan	4,0	
2	Phương án đấu giá đề xuất thời gian, địa điểm bán, tiếp nhận hồ sơ tham gia đấu giá, địa điểm tổ chức cuộc đấu giá, buổi công bố giá thuận lợi cho người tham gia đấu giá; hình thức đấu giá, bước giá, số vòng đấu giá có tính khả thi và hiệu quả cao	4,0	
3	Phương án đấu giá đề xuất cách thức bảo mật thông tin, chống thông đồng, dìm giá	4,0	
4	Phương án đấu giá đề xuất thêm các địa điểm, hình thức niêm yết, thông báo công khai khác nhằm tăng mức độ phổ biến thông tin đấu giá	4,0	
5	Phương án đấu giá đề xuất giải pháp bảo đảm an toàn, an ninh trật tự cho việc tổ chức thực hiện đấu giá	3,0	

TT	NỘI DUNG	ĐIỂM TỐI ĐA	Yêu cầu hồ sơ chứng minh đáp ứng nội dung lựa chọn
6	Phương án đấu giá đề xuất các giải pháp giải quyết các tình huống phát sinh trong quá trình tổ chức thực hiện việc đấu giá	3,0	
III	Năng lực, kinh nghiệm và uy tín của tổ chức đấu giá tài sản	45,0	
1	Trong năm trước liền kề đã thực hiện hợp đồng dịch vụ đấu giá cùng loại tài sản với tài sản dự kiến đưa ra đấu giá (Tổ chức đấu giá tài sản liệt kê tất cả các cuộc đấu giá tài sản đã thực hiện. Người có tài sản không yêu cầu nộp bản chính hoặc bản sao hợp đồng)	6,0	
1,1	Dưới 03 hợp đồng (bao gồm trường hợp không thực hiện hợp đồng nào)	2,0	
1,2	Từ 03 hợp đồng đến dưới 10 hợp đồng	3,0	
1,3	Từ 10 hợp đồng đến dưới 20 hợp đồng	4,0	
1,4	Từ 20 hợp đồng đến dưới 30 hợp đồng	5,0	
1,5	Từ 30 hợp đồng trở lên	6,0	
2	Trong năm trước liền kề đã tổ chức đấu giá thành công các cuộc đấu giá cùng loại tài sản với tài sản dự kiến đưa ra đấu giá có mức chênh lệch trung bình giữa giá trúng đấu giá so với giá khởi điểm (Tổ chức đấu giá tài sản liệt kê tất cả các cuộc đấu giá tài sản đã thực hiện. Người có tài sản không yêu cầu nộp bản chính hoặc bản sao hợp đồng).	18,0	
2,1	Dưới 20% (bao gồm trường hợp không có chênh lệch)	10,0	
2,2	Từ 20% đến dưới 40%	12,0	
2,3	Từ 40% đến dưới 70%	14,0	
2,4	Từ 70% đến dưới 100%	16,0	
2,5	Từ 100% trở lên	18,0	
3	Thời gian hoạt động trong lĩnh vực đấu giá tài sản tính từ thời điểm có Quyết định thành lập hoặc được cấp Giấy đăng ký hoạt động (Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh đối với doanh nghiệp đấu giá tài sản được thành lập trước ngày Luật Đấu giá tài sản có hiệu lực).	5,0	
3,1	Dưới 03 năm	3,0	
3,2	Từ 03 năm đến dưới 05 năm	4,0	

TT	NỘI DUNG	ĐIỂM TỐI ĐA	Yêu cầu hồ sơ chứng minh đáp ứng nội dung lựa chọn
3,3	<i>Từ 05 năm trở lên</i>	5,0	
4	So lượng đấu giá viên của tổ chức đấu giá tài sản.	3,0	Mỗi đấu giá viên của đơn vị phải có bản công chứng hoặc chứng thực chứng chỉ hành nghề đấu giá viên. Số lượng đấu giá viên căn cứ vào hồ sơ đấu giá viên hành nghề tại đơn vị, đồng thời đối chiếu với số lượng đấu giá viên được Bộ Tư pháp thông báo trong danh sách các tổ chức đấu giá của bản thông báo gần nhất để đánh giá.
4,1	<i>01 đấu giá viên</i>	1,0	
4,2	<i>Từ 02 đến dưới 05 đấu giá viên</i>	2,0	
4,3	<i>Từ 05 đấu giá viên trở lên</i>	3,0	
5	Kinh nghiệm hành nghề của đấu giá viên của tổ chức đấu giá tài sản (Tính từ thời điểm được cấp Thẻ đấu giá viên theo Nghị định số 05/2005/NĐ-CP ngày 18/01/2005 của Chính phủ về bán đấu giá tài sản hoặc đăng ký danh sách đấu giá viên tại Sở Tư pháp theo Nghị định số 17/2010/NĐ-CP ngày 04/3/2010 của Chính phủ về bán đấu giá tài sản hoặc Thẻ đấu giá viên theo Luật Đấu giá tài sản).	4,0	
5,1	<i>Không có đấu giá viên có thời gian hành nghề từ 03 năm trở lên</i>	2,0	
5,2	<i>Từ 01 đến 02 đấu giá viên có thời gian hành nghề từ 03 năm trở lên</i>	3,0	
5,3	<i>Từ 03 đấu giá viên trở lên có thời gian hành nghề từ 03 năm trở lên</i>	4,0	
6	Nộp thuế thu nhập doanh nghiệp hoặc đóng góp vào ngân sách Nhà nước trong năm trước liền kề (Năm 2023), trừ thuế giá trị gia tăng.	5,0	Bản sao: Tờ khai quyết toán thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp Cơ quan thuế (Mẫu số 03/TNDN) và Giấy nộp tiền vào Ngân sách Nhà nước có xác nhận của các cơ quan liên quan.
6,1	<i>Dưới 50 triệu đồng</i>	2,0	
6,2	<i>Từ 50 triệu đồng đến dưới 100 triệu đồng</i>	3,0	
6,3	<i>Từ 100 triệu đồng đến dưới 200 triệu đồng</i>	4,0	
6,4	<i>Từ 200 triệu đồng trở lên</i>	5,0	
7	Đội ngũ nhân viên làm việc theo hợp đồng lao động.	3,0	

TT	NỘI DUNG	ĐIỂM TỐI ĐA	Yêu cầu hồ sơ chứng minh đáp ứng nội dung lựa chọn
7,1	Dưới 03 nhân viên (bao gồm trường hợp không có nhân viên nào)	2,0	
7,2	Từ 03 nhân viên trở lên	3,0	
8	Có người tập sự hành nghề trong tổ chức đấu giá tài sản trong năm trước liền kề hoặc năm nộp hồ sơ đăng ký tham gia lựa chọn	1,0	
IV	Thù lao dịch vụ đấu giá, chi phí đấu giá tài sản phù hợp.	5,0	
1	Bằng mức thù lao dịch vụ đấu giá theo quy định của Bộ Tài chính	3,0	
2	Giảm dưới 20% mức tối đa thù lao dịch vụ đấu giá (không áp dụng đối với mức thù lao phần trăm trên phần chênh lệch giá trị tài sản theo giá trúng đấu giá với giá khởi điểm theo quy định của Bộ Tài chính)	4,0	
3	Giảm từ 20% trở lên mức tối đa thù lao dịch vụ đấu giá (không áp dụng đối với mức thù lao phần trăm trên phần chênh lệch giá trị tài sản theo giá trúng đấu giá với giá khởi điểm theo quy định của Bộ Tài chính)	5,0	
V	Tiêu chí khác phù hợp với tài sản đấu giá do người có tài sản đấu giá quyết định	5,0	
1	Trong các năm từ 2022 đến 2023, Đơn vị có từ 1 đến 5 cuộc đấu giá tài sản là cấp đồng, mỗi cuộc đấu giá có giá trị đấu giá thành công từ 19 tỷ đồng trở lên bằng hình thức trực tuyến thành công do Cơ quan có thẩm quyền cấp phép đủ điều kiện thực hiện đấu giá trực tuyến	1,0	
2	Trong các năm từ 2022 đến 2023, Đơn vị có từ 6 đến 9 cuộc đấu giá tài sản là cấp đồng, mỗi cuộc đấu giá có giá trị đấu giá thành công từ 19 tỷ đồng trở lên bằng hình thức trực tuyến thành công do Cơ quan có thẩm quyền cấp phép đủ điều kiện thực hiện đấu giá trực tuyến	3,0	
3	Trong các năm từ 2022 đến 2023, Đơn vị có từ 10 cuộc đấu giá tài sản là cấp đồng trở lên, mỗi cuộc đấu giá có giá trị đấu giá thành công từ 19 tỷ đồng trở lên bằng hình thức trực tuyến thành công do Cơ quan có thẩm quyền cấp phép đủ điều kiện thực hiện đấu giá trực tuyến	5,0	
Tổng số điểm		100	
VI	Có tên trong danh sách các tổ chức đấu giá tài sản do Bộ Tư pháp công bố		
1	Có tên trong danh sách tổ chức đấu giá tài sản do Bộ Tư pháp công bố	Đủ điều kiện	

TT	NỘI DUNG	ĐIỂM TỐI ĐA	Yêu cầu hồ sơ chứng minh đáp ứng nội dung lựa chọn
2	Không có tên trong danh sách tổ chức đấu giá tài sản do Bộ Tư pháp công bố	Không đủ điều kiện	

Ghi chú: Tổ chức đấu giá nộp kèm hồ sơ dự thầu Bảng tự chấm điểm theo các tiêu chí nêu trên để làm cơ sở đánh giá.

69.715 10.337 22.980 13.578.869.590